

Lời mở đầu

Bất cứ một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào cũng quan tâm đến năng suất, chất lượng và hiệu quả. Đây là ba chỉ tiêu quan trọng hàng đầu trong quá trình sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, là thước đo trình độ phát triển của doanh nghiệp nói chung và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung. Song tất cả đều thể hiện một mục tiêu cao hơn của doanh nghiệp đó là lợi nhuận và tối đa hoá lợi nhuận.

Phấn đấu để có lợi nhuận và tối đa hoá lợi nhuận là mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nó có tính chất quyết định tới sự sống còn và phát triển của mọi doanh nghiệp. Vì vậy việc nghiên cứu tìm hiểu nguồn gốc, các nhân tố ảnh hưởng và các giải pháp nhằm làm tăng lợi nhuận đối với doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Nhận thấy được tầm quan trọng của vấn đề này trong quá trình thực tập em xin chọn đi sâu vào vấn đề lợi nhuận với đề tài ***“Lợi nhuận và các biện pháp làm tăng lợi nhuận tại Công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy”***.

Nội dung của đề tài gồm ba chương:

Chương 1: Lý luận chung về lợi nhuận

Chương 2: Thực trạng về hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy

Chương 3: Một số biện pháp làm tăng lợi nhuận tại Công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng do thời gian thực tập ngắn, do trình độ hiểu biết của em còn nhiều hạn chế nên luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được nhiều sự góp ý của các thầy cô để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo Công ty, phòng Tài chính – Kế toán, đặc biệt em xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành nhất tới thầy Lê Văn Chất đã hướng dẫn chỉ bảo em nghiên cứu hoàn thành luận văn này.

Hà Nội, tháng 9 năm 2006

Sinh viên

Trịnh Thị Thu Hương

Chương I

Lý luận chung về lợi nhuận

I. Lợi nhuận và vai trò của lợi nhuận đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường

1. Khái niệm về lợi nhuận

Lợi nhuận là kết quả tài chính cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ. Là chỉ tiêu chất lượng để đánh giá hiệu quả kinh tế của các hoạt động của doanh nghiệp.

Từ đây ta thấy rằng lợi nhuận là kết quả tài chính cuối cùng, nó chính là phần giá trị sản phẩm của lao động thặng dư vượt quá phần giá trị sản phẩm của lao động tất yếu mà doanh nghiệp bỏ ra, từ góc độ của doanh nghiệp thì lợi nhuận là số tiền chênh lệch giữa doanh thu và chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để đạt được doanh thu đó.

Nội dung của lợi nhuận bao gồm:

* **Lợi nhuận hoạt động kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính:** Là số lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ và thu được từ hoạt động tài chính thường xuyên của doanh nghiệp

* **Lợi nhuận từ hoạt động khác:** Là số lợi nhuận doanh nghiệp có thể thu được từ hoạt động không thường xuyên, không lường trước được như lợi nhuận từ việc thanh lý các tài sản cố định, thu tiền phát sinh do khách hàng vi phạm hợp đồng ...

2. Vai trò và ý nghĩa của lợi nhuận trong doanh nghiệp

Lợi nhuận doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, vì nó có tác động đến tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp, có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Việc phấn đấu thực hiện được chỉ tiêu lợi nhuận là điều quan trọng đảm bảo cho tình hình tài chính doanh nghiệp được ổn định vững chắc.

2.1. Đối với bản thân doanh nghiệp

Lợi nhuận là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp nói lên kết quả của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Nếu doanh nghiệp phấn đấu cải tiến quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ làm giảm chi phí và hạ giá thành sẽ làm cho lợi nhuận tăng lên.

Lợi nhuận còn là nguồn tích lũy cơ bản để tái sản xuất mở rộng, là nguồn vốn rất quan trọng để đầu tư phát triển của một doanh nghiệp. Doanh nghiệp hoạt động có lợi nhuận sẽ có điều kiện nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có điều kiện xây dựng quỹ như quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi ... điều này khuyến khích người lao động tích cực làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy tính sáng tạo trong lao động và gắn bó với doanh nghiệp. Nhờ vậy năng suất lao động sẽ được nâng cao góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh làm tăng lợi nhuận doanh nghiệp.

2.2. Đối với xã hội

Doanh nghiệp là tế bào của nền kinh tế, lợi nhuận là động lực, là đòn bẩy kinh tế của xã hội. Nếu doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đảm bảo tài chính ổn định và luôn tăng trưởng, có lợi nhuận cao thì tiềm lực tài chính quốc gia sẽ ổn định và phát triển. Vì lợi nhuận là nguồn tham gia đóng góp theo luật định vào ngân sách nhà nước dưới hình thức thuế thu nhập doanh nghiệp. Nhờ vậy mà nhà nước có nguồn vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo dựng môi trường

kinh doanh tốt hơn cho doanh nghiệp và góp phần hoàn thành những chỉ tiêu kinh tế – xã hội của đất nước.

II. Phương pháp xác định lợi nhuận của doanh nghiệp và các chỉ tiêu phân tích đánh giá lợi nhuận của doanh nghiệp

1. Phương pháp xác định lợi nhuận của doanh nghiệp.

Lợi nhuận là chỉ tiêu kinh tế quan trọng của doanh nghiệp, phản ánh hiệu quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Việc đảm bảo lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trở thành một yêu cầu bức thiết, lợi nhuận vừa là mục tiêu vừa là động lực của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để xác định được lợi nhuận khi lập kế hoạch lợi nhuận và lập báo cáo thu nhập hàng năm của doanh nghiệp người ta áp dụng hai phương pháp đó là: Phương pháp trực tiếp và phương pháp xác định lợi nhuận qua các bước trung gian.

1.1. Phương pháp trực tiếp

* Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh; cung ứng dịch vụ

Đây là lợi nhuận chủ yếu của doanh nghiệp, thu được từ hoạt động sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trong kỳ, được xác định bằng công thức sau:

Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – [Trị giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp]

Hoặc

Lợi nhuận hoạt động kinh doanh = Doanh thu thuần – Giá thành toàn bộ của sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Trong đó:

- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh là số lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp

- Trị giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất của khối lượng sản phẩm tiêu thụ đối với doanh nghiệp sản xuất và là giá trị mua vào của hàng hoá bán ra đối với doanh nghiệp thương nghiệp

- Chi phí bán hàng là những chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên tiếp thị, bao bì đóng gói, vận chuyển, bảo quản, khấu hao tài sản cố định, chi phí vật liệu tiêu dùng để đóng gói, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác như chi phí quảng cáo, bảo hành ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí cho bộ máy quản lý điều hành trong doanh nghiệp, các chi phí có liên quan đến hoạt động chung của doanh nghiệp như tiền lương, các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên, chi phí công cụ lao động nhỏ, khấu hao tài sản cố định phục vụ cho bộ máy quản lý, chi phí khác như đồ dùng văn phòng ...

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động tài chính với thuế gián thu nếu có và chi phí hoạt động tài chính

Lợi nhuận hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính – thuế (nếu có) – Chi phí hoạt động tài chính

Trong đó:

- Thu nhập hoạt động tài chính là thu nhập có được từ các hoạt động liên quan đến vốn của doanh nghiệp như tham gia góp vốn liên doanh, đầu tư mua bán chứng khoán ngắn và dài hạn, cho thuê tài sản. Các hoạt động đầu tư khác như chênh lệch lãi tiền vay của ngân hàng, cho vay vốn, ...

- Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí liên quan đến hoạt động về vốn của doanh nghiệp như chi phí các hoạt động tài chính nói trên

*** Lợi nhuận khác**

Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác và khoản thuế gián thu nếu có

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Thuế (nếu có) – Chi phí bất khác

Trong đó:

- Thu nhập khác là những khoản thu không thể dự tính được trước, các khoản thu không mang tính chất thường xuyên như thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền phạt do các bên vi phạm hợp đồng với doanh nghiệp, các khoản nợ khó đòi đã xử lý nay lại thu lại được ...

- Chi phí khác là các khoản chi cho các hoạt động nói trên ...

Như vậy tổng hợp lại ta có lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Lợi nhuận trước thuế TNDN = Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ và lợi nhuận từ hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác

Và Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp sẽ được xác định:

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ

Phương pháp xác định lợi nhuận này là đơn giản, dễ tính, do đó được áp dụng rộng rãi trong các doanh nghiệp.

1.2. Xác định lợi nhuận qua các bước trung gian

Ngoài phương pháp trực tiếp đã trình bày trên ta còn có thể xác định lợi nhuận của doanh nghiệp bằng cách tính dần lợi nhuận của doanh nghiệp qua từng khâu hoạt động, trên cơ sở đó giúp cho nhà quản lý thấy được quá trình hình thành lợi nhuận và tác động của từng khâu hoạt động hoặc từng yếu tố kinh tế đến kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp là lợi nhuận sau thuế hay lợi nhuận ròng

Phương pháp xác định lợi nhuận như vậy được gọi là phương pháp xác định lợi nhuận qua các bước trung gian. Tùy theo yêu cầu quản lý của mỗi doanh nghiệp mà ta có thể thiết lập các mô hình khác nhau trong việc xác định lợi nhuận qua các bước trung gian.

Mô hình xác định lợi nhuận theo phương pháp này được thể hiện như sau

Mô hình xác định lợi nhuận

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ và thu nhập từ hoạt động tài chính		Thu nhập từ các hoạt động khác		
		Lợi nhuận từ các hoạt động khác	Chi phí hoạt động khác	
Các khoản giảm trừ - Giảm giá hàng bán - Hàng bị trả lại - Chiết khấu bán hàng - Thuế gián thu (Thuế TNDN, GTGT, XNK)	Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ và thu nhập từ hoạt động tài chính		Lợi nhuận hoạt động khác	Chi phí hoạt động khác
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và thu nhập từ hoạt động tài chính		
	- Chi phí bán hàng	Chi phí cho hoạt động tài chính	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và hoạt động tài chính	
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp			
			Tổng lợi nhuận trước thuế	
			Thuế	Lợi nhuận

thu nhập doanh nghiệp	sau thuế (Lợi nhuận ròng)
--------------------------------	---------------------------------

2. Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp

Để đánh giá chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp người ta sử dụng các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận tùy theo yêu cầu đánh giá đối với các hoạt động khác nhau. Ta có thể sử dụng một số chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận sau đây:

2.1. Tỷ suất doanh thu thuần

Hệ số này phản ánh mối quan hệ giữa lợi nhuận và doanh thu thuần trong kỳ của doanh nghiệp.

Công thức xác định:

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận/}}{\text{Doanh thu thuần}} = \frac{\text{Lợi nhuận trước hoặc sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

ý nghĩa: Chỉ tiêu này thể hiện 100 đồng doanh thu thuần trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao thì hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp càng cao.

2.2 Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh bình quân

Là mối quan hệ giữa lợi nhuận đạt được với số vốn kinh doanh bình quân trong kỳ(vốn cố định và vốn lưu động)

Công thức xác định:

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn}}{\text{kinh doanh bình quân}} = \frac{\text{Lợi nhuận trước hoặc sau thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

ý nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 đồng vốn kinh doanh bình quân dùng vào sản xuất kinh doanh trong kỳ thì tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh càng lớn

2.3. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu

Là mối quan hệ giữa lợi nhuận với vốn chủ sở hữu sử dụng trong kỳ

Công thức xác định:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước hoặc sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

ý nghĩa: Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả 100 đồng vốn chủ sở hữu trong kỳ có thể tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao, hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu càng cao.

III. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận và một số biện pháp làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp

1. Các nhân tố ảnh hưởng tới lợi nhuận

Doanh nghiệp tồn tại và hoạt động trong môi trường kinh tế- xã hội chịu sự ảnh hưởng của nhiều nhân tố từ môi trường kinh doanh đem lại. Người ta chia ra làm hai nhóm nhân tố: Nhóm nhân tố khách quan và nhóm nhân tố chủ quan. Nhân tố khách quan là nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, nhân tố chủ quan là nhân tố thuộc về bên trong doanh nghiệp. Những nhân tố này có thể tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển nhưng nó cũng có thể là những trở ngại mà các doanh nghiệp cần vượt qua để đi đến mục đích cuối cùng và thu lợi nhuận.

1.1.Nhóm nhân tố khách quan

Là tập hợp các yếu tố ảnh hưởng tới lợi nhuận của doanh nghiệp mà bản thân doanh nghiệp không lường trước được. Bao gồm:

- Môi trường kinh tế (lạm phát, tỷ giá, lãi suất...) những biến động trên thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh và lợi nhuận của doanh nghiệp, điển hình của sự tác động này là quan hệ cung- cầu. Quan hệ cung- cầu làm cho giá cả thay đổi vì vậy ảnh hưởng đến quy mô sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp. Khi cầu lớn hơn cung thì khả năng tiêu thụ hàng hoá của các doanh nghiệp sẽ tăng, doanh nghiệp dễ dàng tăng doanh thu, tăng khả năng tăng lợi nhuận. Doanh nghiệp cũng chịu sự tác động của thị trường thông qua quy luật cạnh tranh.

- Môi trường pháp lý

Các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, ngoài việc tuân thủ các quy luật của thị trường thì doanh nghiệp còn chịu sự quản lý vĩ mô của nhà nước. Nhà nước là người hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết các hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biện pháp kinh tế, các chính sách, luật lệ về kinh tế như chính sách về thuế, lãi suất, tín dụng, chính sách khuyến khích đầu tư, kiểm soát giá ...

1.2. Nhóm nhân tố chủ quan

Là các yếu tố bên trong, liên quan chặt chẽ tới doanh nghiệp. Bao gồm:

- Nhân tố con người:

Đây là một nhân tố quan trọng vì con người luôn đóng vai trò trung tâm và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như trình độ quản lý, trình độ chuyên môn cũng như sự nhanh nhạy của người lãnh đạo trong cơ chế thị trường, trình độ chuyên môn và ý thức trách nhiệm trong lao động của cán bộ công nhân viên cũng rất quan trọng.

- Nhân tố về vốn:

Đây là tiền đề vật chất cho hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có lợi thế về vốn sẽ dành được cơ hội trong kinh doanh, có điều kiện mở rộng thị trường ...

- Nhân tố về chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Chi phí bao gồm:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ ... phục vụ trực tiếp cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp. Đây là nhân tố quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Là chi phí về tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động trực tiếp sản xuất, chế tạo sản phẩm.

Nhân tố này chiếm tỷ trọng khá lớn. Đối với giá thành sản phẩm do các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay còn sử dụng nhiều lao động trực tiếp vào sản xuất.

+ Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí liên quan đến việc phục vụ quản lý, sản xuất trong phạm vi phân xưởng, tổ đội, bộ phận sản xuất.

Sau khi sản phẩm, hàng hoá đã được sản xuất thì vấn đề tiếp theo là phải tổ chức bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá đó trên thị trường. Doanh nghiệp cần phải tổ chức tiêu thụ nhanh để sớm thu được tiền về, quay vòng vốn kinh doanh nhanh để mở rộng sản xuất. Việc tổ chức tốt quá trình tiêu thụ sản phẩm sẽ làm doanh thu tăng, chi phí tiêu thụ sản phẩm giảm do đó làm lợi nhuận tăng.

Tóm lại, tất cả các nhân tố khách quan và chủ quan đều ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi nhân tố có mức ảnh hưởng khác nhau và giữa chúng lại có mối quan hệ chặt chẽ tác động qua lại với nhau.

2. Một số biện pháp làm tăng lợi nhuận trong doanh nghiệp

2.1. Phân đấu giảm chi phí sản xuất kinh doanh và hạ giá thành sản phẩm

Đây là biện pháp cơ bản nhằm tăng lợi nhuận doanh nghiệp. Nếu như trên thị trường tiêu thụ giá bán và mức thuế đã được xác định thì lợi nhuận của đơn vị sản phẩm, hàng hoá, khối lượng dịch vụ tăng thêm hay giảm đi là do giá thành sản phẩm hoặc chi phí quyết định. Bởi vậy, để tăng thêm lợi nhuận các doanh nghiệp phải không ngừng phân đấu giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm. Muốn được như vậy các doanh nghiệp phải thực hiện tốt các biện pháp sau:

- Tăng năng suất lao động:

Là quá trình áp dụng tổng hợp các biện pháp để tăng năng lực sản xuất của người lao động sao cho số sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian,

hoặc giảm bớt thời gian lao động cần thiết để sản xuất một đơn vị sản phẩm. Để tăng năng suất lao động các doanh nghiệp phải đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến tạo tiền đề làm thay đổi điều kiện sản xuất, cho phép sử dụng triệt để công suất máy móc thiết bị, tăng cường công tác quản lý sử dụng hiệu quả máy móc thiết bị, tổ chức quản lý lao động hợp lý, chú trọng nâng cao trình độ tay nghề và ý thức trách nhiệm của người lao động.

- Giảm bớt lao động gián tiếp, giảm nhẹ bộ máy quản lý từ đó giảm chi phí quản lý, chi phí lao động gián tiếp, góp phần nâng cao lợi nhuận.

- Tiết kiệm nguyên vật liệu tiêu hao:

Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất cũng góp phần to lớn vào việc giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thì chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, giảm được chi phí hao hụt nguyên vật liệu xuống mức thấp nhất là đã góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2.2. Tăng thêm sản lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đây là một biện pháp quan trọng nhằm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Khi những điều kiện khác không thay đổi thì khối lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ tiêu thụ, cung ứng có ảnh hưởng trực tiếp tới mức lợi nhuận của doanh nghiệp. Đi đôi với tăng sản lượng sản phẩm các doanh nghiệp còn phải chú ý nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung ứng. Bởi vì chất lượng được nâng cao sẽ giữ được chữ tín đối với người tiêu dùng và giữ được giá bán, doanh thu sẽ tăng. Những trường hợp làm hàng giả, hàng kém chất lượng đưa ra thị trường đã chứng minh được doanh nghiệp đó không thể tồn tại được.

2.3. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh

- Vốn cố định:

Vốn cố định là bộ phận của vốn đầu tư ứng trước về tài sản cố định mà đặc điểm của nó là chuyển dần giá trị vào sản phẩm trong nhiều chu kỳ sản xuất cho tới khi tài sản cố định hết thời hạn sử dụng. Quản lý vốn cố định cũng là một nội dung quan trọng trong quản lý vốn của doanh nghiệp. Nếu vốn cố định được quản lý tốt sẽ góp phần làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Vốn cố định là bộ phận quan trọng của vốn sản xuất. Quy mô vốn cố định có ảnh hưởng rất lớn, nó trực tiếp quyết định đến trình độ trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định được coi là một trọng điểm của công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

- *Vốn lưu động:*

Vốn lưu động là số vốn ứng ra để hình thành nên tài sản lưu động nhằm đảm bảo cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục. Vốn lưu động chuyển toàn bộ giá trị của chúng vào giá trị của sản phẩm và thông qua lưu thông sẽ được hoàn lại một lần sau chu kỳ kinh doanh. Vốn lưu động nằm dưới nhiều dạng vật chất khác nhau, điều này làm cho doanh nghiệp khó kiểm soát chúng một cách chặt chẽ. Sử dụng tốt vốn lưu động tức là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, tốc độ luân chuyển vốn lưu động càng cao càng chứng tỏ hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả.

Vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là vấn đề đáng quan tâm vì khi sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả sẽ góp phần thúc đẩy quá trình sản xuất đem lại lợi nhuận ngày một lớn cho doanh nghiệp. Để làm tốt công việc này doanh nghiệp cần chú ý tới việc xác định cơ cấu vốn kinh doanh, hợp lý giữa các giai đoạn sản xuất, các khâu kinh doanh, giữa tài sản cố định và tài sản lưu động, xây dựng quy chế quản lý chặt chẽ, rõ ràng.

Trên đây là một số biện pháp chủ yếu làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Trên thực tế mỗi một doanh nghiệp tùy vào quy mô, đặc điểm sản xuất

kinh doanh đặc thù của mình sẽ lựa chọn những biện pháp hữu hiệu trên cơ sở các biện pháp trên.

chương ii

Thực trạng về hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy

i. Khái quát về tình hình tổ chức quản lý, kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy

1. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy tiền thân là Đội xây dựng thủy lợi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình được thành lập ngày 10/10/1994. Năm 2001 thực hiện cổ phần hoá thành Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy theo quyết định số 666/QĐ-UB ngày 12/07/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Số đăng ký kinh doanh số 0803000013 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 07/08/2001. Công ty có tài khoản riêng mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Thụy, Ngân hàng công thương Diêm Điền. Có con dấu riêng hoạt động theo Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty cổ phần. Được phép hoạt động trong các lĩnh vực : xây dựng, thủy lợi, giao thông , dân dụng.

Trong những năm qua, Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy đã thi công nhiều công trình có quy mô và đạt chất lượng tốt, giá thành hợp lý và được chủ đầu tư đánh giá cao.

Trong năm năm gần đây, Công ty đã trưởng thành trên thị trường, đơn vị có đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm và chuyên môn cao, có cán bộ quản lý giỏi, có các đội lao động chuyên làm công tác đào đắp và xây lắp với tay nghề vững vàng đủ khả năng xây dựng những công trình có quy mô phức tạp. Công

ty có đủ năng lực thiết bị thi công, thực hiện được tất cả các yêu cầu đòi hỏi về kỹ thuật chất lượng công trình.

Hiện nay, đơn vị không ngừng nâng cao đội ngũ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân lành nghề, mua sắm trang thiết bị để đảm bảo thi công công trình ngày càng tốt hơn.

Tên đơn vị : Công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Địa chỉ : Khu 7 thị trấn Diêm Điền- Huyện Thái Thụy - Tỉnh Thái Bình

Điện thoại : 036.853290

2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

Là đơn vị hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông thuỷ lợi và công trình dân dụng.

3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Sản phẩm: Sản phẩm của Công ty là các công trình giao thông, thuỷ lợi, dân dụng.

- Chất lượng sản phẩm: Các công trình của Công ty xây dựng đều đạt tiêu chuẩn của những chủ đầu tư và được đánh giá cao.

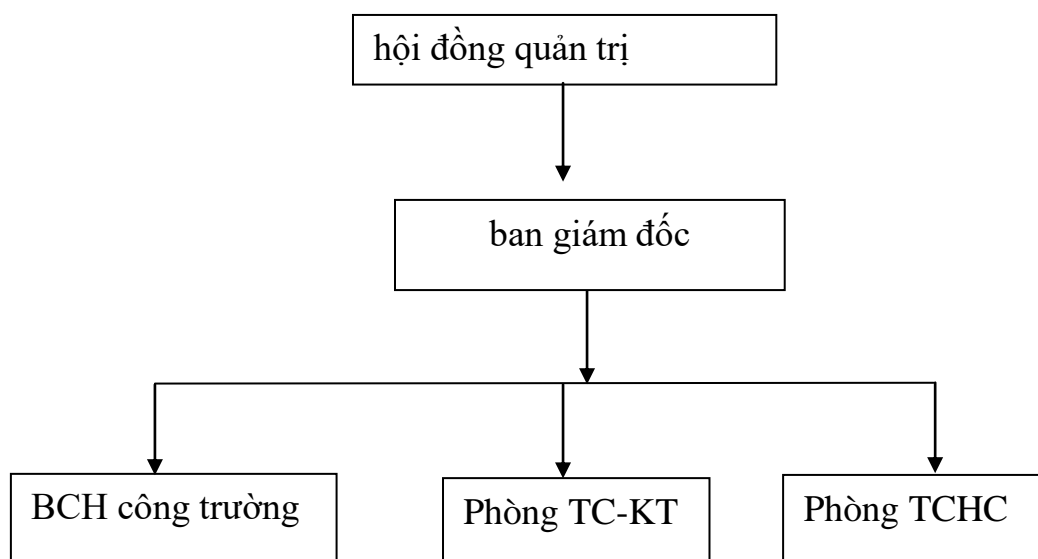
- Đặc điểm của sản phẩm: Do tính chất của sản phẩm hàng hoá có giá trị lớn, thời gian thi công dài, sản phẩm mang tính chất đơn chiếc được thi công trên những địa điểm khác nhau. Sản phẩm mang tính cố định nên các đội thi công phải di chuyển địa điểm thi công công trình. Giá trị sản phẩm lớn, thời gian sử dụng lâu dài và có nhu cầu sửa chữa thường xuyên.

4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

4.1. Bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

** Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:*



** Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.*

- Hội đồng quản trị: là cơ quan cao nhất do đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm vụ chỉ đạo toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo những kế hoạch, nhiệm vụ mà đại hội cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 3 người: 1 chủ tịch Hội đồng quản trị và 2 uỷ viên, chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc điều hành Công ty.

- Ban giám đốc: Chỉ đạo trực tiếp mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Công ty về các mục tiêu kế hoạch được giao.

- Ban chỉ huy công trường: Mỗi công trường có 1 trưởng ban chỉ huy công trường chịu sự phân công của giám đốc. Chỉ đạo thi công và phụ trách kỹ thuật thi công các công trình.

- Phòng Tài chính-kế toán: Chịu sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty. Có trách nhiệm thực hiện các công việc kế toán của Công ty, tham mưu cho Ban giám đốc trong lĩnh vực tài chính nhằm giúp cho việc sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn. Lập báo cáo tài chính hàng kỳ, xác

định tổ chức nguồn vốn đảm bảo cho sản xuất kinh doanh, huy động nguồn vốn hiện có vào sản xuất kinh doanh.

- Phòng tổ chức hành chính: Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các công việc đồng thời sắp xếp, bố trí cán bộ, công nhân cho các công trường. Đảm bảo công tác kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động.

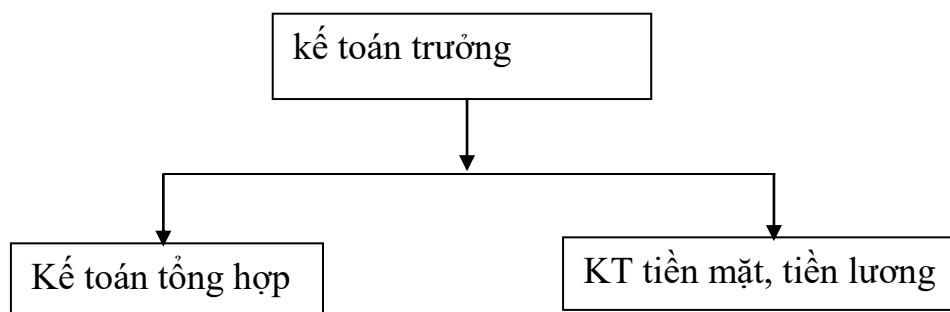
2.2. Tổ chức bộ máy kế toán

* Hình thức tổ chức:

Bộ máy kế toán của Công ty hình thành và phát triển cùng với sự ra đời của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy. Công ty áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung. Bộ máy biên chế gọn, lực lượng lao động chủ yếu thuê ngoài vì vậy phòng kế toán chỉ biên chế 3 người trong đó có 1 kế toán trưởng, 1 kế toán tổng hợp và 1 kế toán tiền mặt, tiền lương, quỹ.

Cơ cấu bộ máy kế toán

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán



* Chức năng, nhiệm vụ của mỗi người:

- Kế toán trưởng: Giúp Ban giám đốc chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán. Điều hành công việc chung trong Phòng tài chính- kế toán.

- Kế toán tổng hợp: Thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tất cả các báo cáo của các đội xây dựng đều do kế toán tổng hợp duyệt.

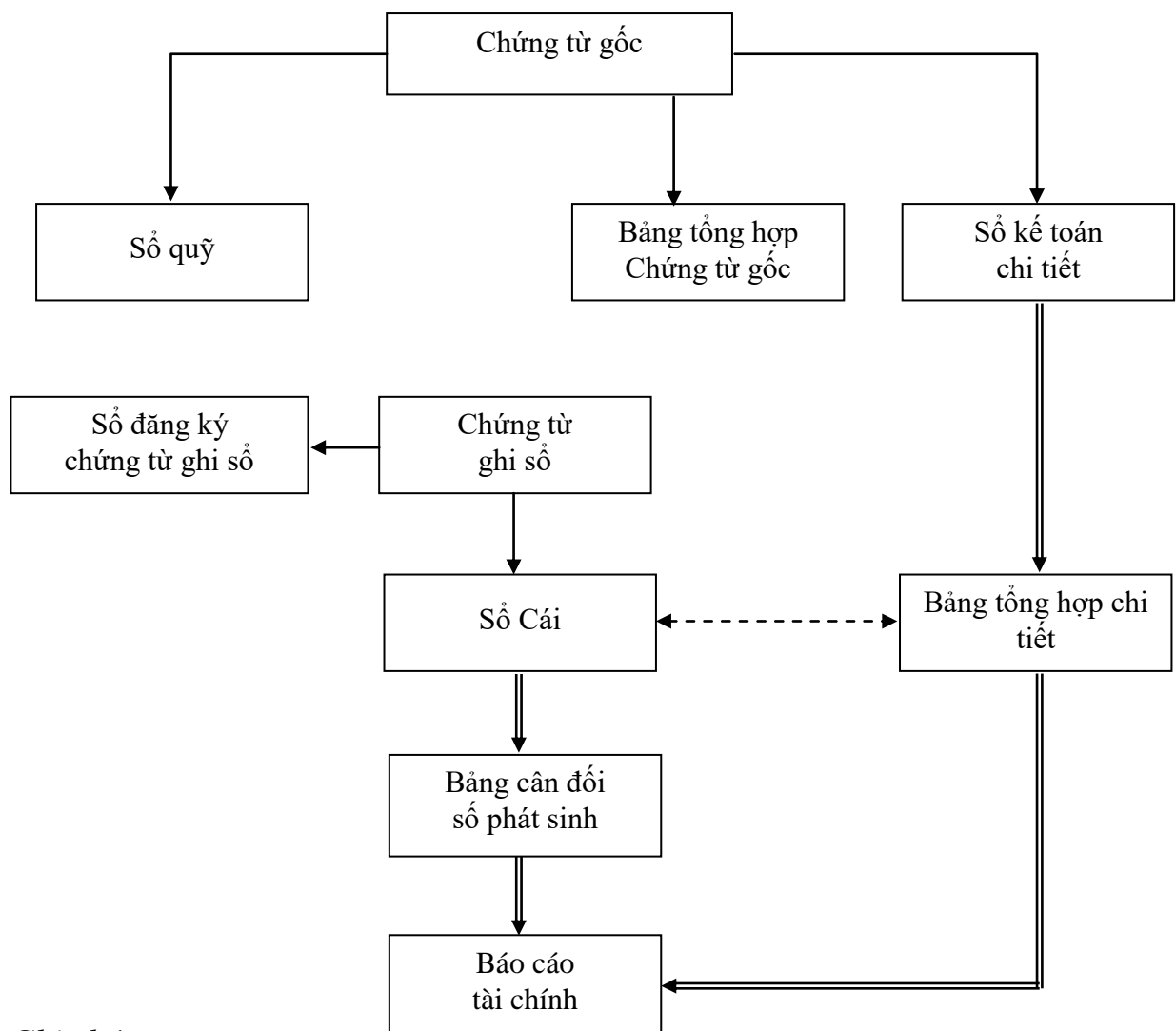
- Kế toán tiền mặt, tiền lương: Chịu trách nhiệm viết phiếu thu, phiếu chi trên cơ sở chứng từ gốc hợp lệ, tập trung vào sổ quỹ để hàng tháng đối chiếu.

Chịu trách nhiệm tính lương cho các cán bộ công nhân viên và lương cho công nhân theo chế độ quy định

- Đơn vị hạch toán kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Công ty đang sử dụng các sổ kế toán: Chứng từ gốc, chứng từ ghi sổ, sổ quỹ và các sổ chi tiết, sổ cái.

Sơ đồ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng

↔

Đối chiếu kiểm tra

II. Thực trạng về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy

1. Tài sản - nguồn vốn của Công ty thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1: Tài sản - nguồn vốn năm 2004 –2005

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2004		Năm 2005		So sánh 2004/2005	
		Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	S tuyệt đối	Tỷ lệ %
I	Tài sản	1.671.710.290	100	2.040.858.611	100	369.148.321	22,08
1	TSLĐ	1.554.121.365	92,96	1.941.297.485	95,13	387.176.120	24,91
2	TSCĐ	117.588.925	7,04	995.611.126	4,87	-18.027.799	-15,33
II	Nguồn vốn	1.671.710.290	100	2.040.858.611	100	369.148.321	22,08
1	Nợ phải trả (Nợ ngắn hạn)	903.464.159	54,04	1.174.364.803	57,55	270.900.644	29,98
2	Vốn CSH	768.246.131	45,95	866.493.808	42,45	98.247.677	12,79

Nguồn: Phòng TC-KT Công ty

Qua bảng số liệu trên ta thấy tổng tài sản năm 2005 tăng 369.148.321 đồng tương ứng với 22,08% cho thấy tài sản của Công ty đã có những thay đổi và có những dấu hiệu tăng dần. Việc tăng về quy mô tài sản chủ yếu do tài sản lưu động tăng, nguyên nhân tăng là do vốn bằng tiền của Công ty tăng, điều này cho ta thấy quá trình quản lý và sử dụng vốn lưu động của Công ty đã hợp lý về kết cấu. Tài sản cố định năm 2005 so với năm 2004 giảm 18.027.799 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 15,33% là do năm 2005 Công ty đã thanh lý một số thiết bị. So với năm 2004 nguồn vốn năm 2005 tăng 369.148.321 đồng, tương ứng với 22,08%. Nguồn vốn kinh doanh tăng là do công ty đã trích một

phần cổ tức để bổ sung vốn đầu tư. Cuối năm 2004 đã trích là 59.055.000 đồng nên vốn chủ sở hữu năm 2005 tăng 98.247.677 đồng với tỷ lệ tăng là 12,79%.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy

2.1. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Như ta đã biết lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là lợi nhuận chủ yếu của mỗi doanh nghiệp, nó có ý nghĩa quan trọng với toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính, Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy không nằm ngoài quy luật đó. Vì vậy, để hiểu được tình hình thực hiện lợi nhuận ở Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy ta hãy xem xét qua bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 2: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2004		Năm 2005		So sánh 2004/2005	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	2.229.834.900		1.140.791.900		-1.089.043.000	-48,84
1. Doanh thu thuần	2.229.834.900	100	1.140.791.900	100	-1.089.043.000	-48,84
2. Giá vốn hàng bán	2.003.191.275	89,93	1.050.011.059	92	-953.180.216	-47,58
3. Lợi nhuận gộp(3=1-2)	226.643.625		90.780.841		-135.862.784	-59,94
4. Chi phí quản lý DN	119.334.565	5,35	90.660.265	7,94	-28.674.300	-24,03
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(5=3-4)	107.309.060		120.576		-107.188.484	-99,89
6. Thu nhập hoạt động tài chính	5.664.040		4.585.586		-1.078.454	-19,04
7. Chi phí hoạt động tài chính	315.400		783.525		468.125	148,42
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính(8=6-7)	5.348.644		3.802.061		-1.546.583	-28,91
9. Tổng lợi nhuận trước thuế(9=5+8)	112.657.704		3.922.637		-108.735.067	-96,52

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.544.157		1.098.338		-30.445.819	-96,52
11. Lợi nhuận sau thuế (11=9-10)	81.113.547		2.824.299		-78.289.248	-96,52

Nguồn: Phòng TC-KT Công ty

Qua bảng số liệu trên ta thấy lợi nhuận của Công ty có chiều hướng giảm. Lợi nhuận là phần chênh lệch giữa doanh thu và chi phí, vì thế nếu tăng được doanh thu sẽ trực tiếp góp phần tăng lợi nhuận.

Doanh thu thuần là yếu tố quan trọng để tăng lợi nhuận, nhưng doanh thu thuần năm 2005 giảm 1.089.043.000 đồng ứng với tỷ lệ – 48,84% so với năm 2004, điều này là do năm 2005 các công trình xây dựng còn dở dang nhiều nên doanh thu thấp, dẫn đến lợi nhuận thấp, còn chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lại quá nhiều. Công ty không có các khoản giảm trừ (không có công trình hoặc hạng mục công trình phải phá đi làm lại, gây tổn thất làm giảm doanh thu) điều này là do trong năm qua không có hạng mục công trình nào Công ty xây dựng phải phá bỏ hay làm lại chứng tỏ những hạng mục công trình đó đảm bảo chất lượng và yêu cầu của các chủ đầu tư.

Giá vốn hàng bán là một trong những yếu tố liên quan trực tiếp đến tổng doanh thu do đó liên quan trực tiếp đến lợi nhuận. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi nếu Công ty tiết kiệm được chi phí sản xuất sẽ làm cho giá vốn hàng bán giảm, giá vốn giảm sẽ làm cho lợi nhuận tăng lên và ngược lại. Giá vốn hàng bán năm 2005 giảm so với năm 2004 là 953.180.216 đồng, tương ứng với tỷ lệ 47,58%. Trong đó năm 2004 giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 89,93% so với doanh thu thuần và năm 2005 giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 92% trong doanh thu thuần, nghĩa là khi có 100 đồng doanh thu thuần thu về thì năm 2004 công ty bỏ ra 89,93 đồng vốn và năm 2005 Công ty phải bỏ ra 92 đồng vốn, như vậy chỉ tiêu này quá cao, điều này ảnh hưởng xấu đến doanh

thu và sẽ ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận của công ty, dẫn đến lợi nhuận gộp năm 2005 giảm 135.862.784 đồng tương ứng với tỷ lệ 59,94%. Nguyên nhân của chỉ tiêu giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn như trên là do việc quản lý vốn của Công ty chưa có hiệu quả, đối với các công trình nhận thầu Công ty chưa xây dựng tốt được các định mức tiêu hao nguyên vật liệu dẫn đến việc lãng phí và làm cho giá vốn của các công trình đó quá cao so với doanh thu thu được, đồng thời giá cả của nguyên vật liệu thường không ổn định và có xu hướng tăng nên cũng làm cho giá vốn của công trình tăng.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp, qua bảng trên ta thấy năm 2005 chi phí quản lý giảm so với năm 2004 là 28.674.300 đồng, tương ứng với tỷ lệ 24,03%. So với doanh thu thuần thì năm 2004 chỉ tiêu này chiếm tỷ trọng 5,35%, năm 2005 chỉ tiêu này chiếm 7,94%, nghĩa là khi thu được 100 đồng doanh thu thuần thì năm 2004 công ty phải bỏ ra 5,35 đồng chi phí và năm 2005 phải bỏ ra 7,94 đồng chi phí. Như vậy chi phí này cũng chiếm khá nhiều do dịch vụ mua ngoài tăng, chi cho tiền lương tăng.

Chính vì hai chỉ tiêu giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp quá cao như vậy sẽ dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của năm 2005 giảm 107.188.484 đồng so với năm 2004 với tỷ lệ tương ứng là 99,89%. Năm 2005 lợi nhuận của Công ty không đáng kể, gần như là không có lợi nhuận, điều này cũng một phần là do trong năm 2005 công ty chưa thu hồi được vốn về, còn để các nơi khác chiếm dụng nhiều...

2.2 Lợi nhuận từ hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy là một công ty còn non trẻ, và mới được cổ phần hoá từ hơn 5 năm nay, trong thời gian đó Công ty mới chú trọng tập trung vào đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho việc thi công theo những hợp đồng có quy mô và yêu cầu khác nhau, cũng vì vậy mà hoạt động

tài chính của Công ty còn hạn chế và chưa mang lại lợi nhuận cao như mong đợi của HĐQT.

Lợi nhuận hoạt động tài chính là khoản chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính.

Nhìn vào bảng 2 ta thấy chi phí cho hoạt động tài chính năm 2005 tăng so với năm 2004 là 468.125 đồng, tương ứng với tỷ lệ 148,42%, chi phí này tăng chủ yếu là do các khoản tổn thất trong đầu tư đầu thầu dự án của Công ty. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2005 cũng ít hơn năm 2004 là 1.546.583 đồng ứng với tỷ lệ 96,52%. Điều này là do Công ty chưa thu được lãi tiền gửi ngân hàng và chưa thu được lãi vốn cho vay mà các đơn vị khác đang chiếm dụng.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thì hoạt động tài chính chỉ là hoạt động kinh doanh phụ, góp phần tăng nguồn vốn kinh doanh cho Công ty trong điều kiện kinh tế hiện nay. Nhưng ở góc độ chung Công ty cần xem xét để tăng lợi nhuận từ hoạt động tài chính để góp phần tăng lợi nhuận cho Công ty trong những năm tới.

Để hiểu rõ hơn tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chúng ta cần nghiên cứu thêm một số chỉ tiêu tài chính khác sau đây:

**** Một số chỉ tiêu tài chính năm 2004 và 2005.***

Bảng 3: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2004-2005.

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Chênh lệch	
				S Tuyệt đối	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	2.229.834.900	1.140.791.900	-1.089.043.000	-48,84
2	Vốn kinh doanh BQ	1.671.710.290	2.040.858.611	369.148.321	22
3	Lợi nhuận trước thuế	112.657.704	3.922.637	-108.735.067	-96,52
4	Lợi nhuận sau thuế	81.113.547	2.824.299	-78.289.248	-96,52
5	Tỷ suất LN trước thuế/DTT	0,05	0,003	-0,047	-94
6	Tỷ suất LN ròng/ DTT	0,03	0,002	-0,028	93,33
7	Tỷ suất LN trước thuế/ VKDBQ	0,067	0,002	-0,065	-97
8	Tỷ suất LN ròng/VKD BQ	0,048	0,001	-0,047	-97,91

Nguồn: Phòng TC-KT Công ty

*** Tỷ suất Lợi nhuận doanh thu thuần**

Trong năm 2004, cứ 1 đồng doanh thu thuần thu về thì có 0,05 đồng lợi nhuận trước thuế hay 0,003 đồng lợi nhuận sau thuế, năm 2005 cũng 1 đồng doanh thu thuần thì có 0,003 đồng lợi nhuận trước thuế hay 0,002 đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy năm 2005 so với năm 2004 cứ 1 đồng doanh thu có ít hơn 0,028 đồng lợi nhuận. Sở dĩ có sự giảm là do doanh thu thuần năm 2005 giảm vì các công trình thi công còn chưa hoàn thành nên chưa được nghiệm thu và do đó chưa được thanh toán, chưa thu được tiền từ các chủ đầu tư dẫn đến tỷ suất lợi nhuận doanh thu giảm.

*** Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh**

Chỉ tiêu này phản ánh mỗi đồng vốn kinh doanh trong kỳ sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận hay đưa lại cho công ty bao nhiêu đồng lãi thực. Từ bảng trên thấy rằng cứ 100 đồng tiền vốn bỏ ra để kinh doanh thì năm 2004 thu về 6,7 đồng lợi nhuận trước thuế hay 4,8 đồng lợi nhuận ròng, còn năm 2005 chỉ thu về được 0,2 đồng lợi nhuận trước thuế hay 0,1 đồng lợi nhuận ròng thôi, điều này cũng cùng 1 lý do như đã trình bày ở trên.

Để thấy rõ hơn về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, về tình hình thực hiện lợi nhuận chúng ta cần nghiên cứu các nhân tố có liên quan. Trước hết là tình hình sử dụng vốn kinh doanh nói chung và vốn lưu động nói riêng

*** Tình hình quản lý và sử dụng vốn lưu động**

- Kết cấu vốn lưu động:

Bảng 4: Kết cấu vốn lưu động năm 2004-2005

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2004		Năm 2005		So sánh 2004/2005	
		Số tiền	tt(%)	Số tiền	TT (%)	S Tuyệt đối	tỷ lệ (%)
1	Vốn bằng tiền	513.727.795	33,06	436.099.587	22,46	-77.628.208	-15,11
2	Các khoản phải thu	643.942.884	41,43	563.030.884	29	-80.912.000	-12,56
3	Hàng tồn kho	283.792.494,5	18,26	759.942.236,5	39,15	476.149.742	167,78
4	TSLĐ khác	112.658.191,5	7,25	182.224.777,5	9,39	69.566.586	61,75
5	Chi sự nghiệp	0		0		0	0
6	Tổng vốn lưu động	1.554.121.365	100	1.941.297.485	100	387.176.120	24,91

Nguồn: Phòng TC-KT Công ty

Qua bảng trên ta thấy vốn bằng tiền của Công ty năm 2005 giảm 77.628.208 đồng so với năm trước tương ứng với tỷ lệ giảm 15,11% là do năm 2005 Công ty trúng thầu được một số công trình và phải sử dụng vốn để mua vật liệu, trả lương cho công nhân, mà các công trình đó còn đang dở dang chưa được quyết toán. Tuy nhiên vốn bằng tiền của công ty năm 2004 chiếm tỷ trọng 33,06% so với Tổng vốn lưu động và năm 2005 chiếm tỷ trọng 22,46% so với tổng vốn lưu động điều này chứng tỏ việc sử dụng vốn lưu động của Công ty chưa thực sự hợp lý vì tiền mặt để ở công ty là khá nhiều so với vốn lưu động nên cũng gây ra lãng phí vì không dùng tiền mặt để sử dụng vào những hoạt động kinh doanh khác như là hoạt động tài chính để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho công ty.

Các khoản phải thu giảm 80.912.000 đồng, ứng với tỷ lệ -12,56% là do vốn Công ty đang bị các nơi khác chiếm dụng như nhận thầu một số công trình đang thi công chưa bàn giao trong khi phải mua nhiều nguyên liệu phục vụ cho các công trình đó. Các khoản phải thu năm 2004 chiếm tỷ trọng 41,43% so với tổng vốn lưu động và năm 2005 chiếm tỷ trọng 20% trong tổng vốn lưu động, chỉ tiêu này cũng khá cao nó phản ánh việc Công ty đang để cho các đơn vị khác chiếm dụng vốn trong tổng vốn lưu động của mình quá nhiều. Đây cũng là dấu hiệu không tốt vì như vậy Công ty sẽ không còn nhiều vốn để đầu tư và để nhận thầu những công trình khác nhằm tăng doanh thu góp phần tăng lợi nhuận cho mình.

Hàng tồn kho đã tăng lên 476.149.742 đồng tương ứng với tỷ lệ 167,78%. Hàng tồn kho năm 2005 cũng chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng vốn lưu động của Công ty là 39,15%, đây cũng là một mức cao điều này có ảnh hưởng xấu đến doanh thu và ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận vì những vật liệu đó dễ bị hao hụt, hư hỏng gây lãng phí trong khi thi công công trình.

*** Tình hình sử dụng vốn lưu động:**

Như ta đã biết muốn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong doanh nghiệp thì biện pháp hiệu quả, ưu việt nhất là phải tăng nhanh vòng quay vốn lưu động đồng thời kết hợp với việc huy động thêm vốn cố định vào sản xuất. Muốn đánh giá và hiểu được hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy ta hãy xem xét một số chỉ tiêu trong 2 năm 2004 và 2005 qua bảng sau.

Bảng 5: Tình hình sử dụng vốn năm 2004-2005

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2004	Năm 2005	So sánh 2004/2005	
					S tuyệt đối	tỷ lệ(%)
1	Doanh thu thuần	đồng	2.229.834.900	1.140.791.900	-1.089.043.000	-48,84%
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	81.113.547	2.824.299	-78.289.248	-96,52
3	Vốn lưu động BQ	đồng	1.290.204.512	1.747.709.425	457.504.913	35,46
4=1/3	Số vòng quay VLĐ	vòng	1,73	0,65	-1,08	-62,43
5= 360/4	Số ngày luân chuyển VLĐ	ngày	150	300	150	100
6= 3/1	Hàm lượng VLĐ	%	0,58	1,53	0,95	163,79
7= 2/3	Lợi nhuận/ VLĐ	%	0,06	0,001	-0,059	-98,33

Nguồn: Phòng TC-KT Công ty

Bảng trên chỉ ra rằng mặc dù vốn lưu động bình quân trong năm 2005 tăng 35,46% tương đương với 457.504.913 đồng nhưng vòng quay vốn lưu động lại giảm đi 1,08 vòng ứng với 62,43% so với năm 2004 có nghĩa là Công ty vẫn chưa sử dụng hiệu quả hiệu suất sử dụng vòng quay vốn của năm 2005, còn để ứ đọng nhiều nguyên vật liệu trong kho. Chỉ tiêu hàm lượng vốn lưu động cho biết để có 1 đồng doanh thu năm 2004 công ty cần 0,58 đồng vốn lưu

động, sang năm 2005 lại cần thêm 1,53 đồng nữa tăng lên 163,79% dẫn đến việc giảm lợi nhuận trong năm.

Năm 2004 khi bỏ ra 1 đồng vốn lưu động bình quân Công ty thu lại được 0,06 đồng lợi nhuận cũng là thấp, song đến năm 2005 Công ty lại chỉ thu về được có 0,001 đồng, quá thấp so với những chi phí và rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong lĩnh vực xây dựng thủy lợi.

Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận và chỉ tiêu lợi nhuận trên đây cho phép chúng ta nhìn nhận khá toàn diện, đầy đủ và đánh giá chính xác mọi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chương III

Một số giải pháp chủ yếu làm tăng lợi nhuận

ở công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy

I. Đánh giá chung .

1. Ưu điểm

Công ty cổ phần xây dựng thuỷ lợi Thái Thụy là một công ty có bộ máy biên chế gọn, quy mô nhỏ, địa bàn hoạt động còn hạn hẹp, thị trường hoạt động chỉ trong huyện, tỉnh nhưng lại là một thị trường thuần túy nông nghiệp nên Công ty có điều kiện để thực hiện các đơn đặt hàng của các huyện khác về các công trình thuỷ lợi, dân dụng và giao thông nông thôn. Với các cán bộ công nhân viên có tay nghề, kinh nghiệm với đội ngũ công nhân lành nghề, Công ty đã xây dựng được nhiều công trình giao thông thuỷ lợi có chất lượng tốt, tạo được sự tin cậy của khách hàng.

2. Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành quả đạt được Công ty cũng gặp phải những khó khăn như vì là 1 công ty nhỏ, hoạt động ở địa bàn huyện, nên trang thiết bị còn sơ sài. Các khoản chi phí còn cao như giá thành sản xuất, chi quản lý doanh nghiệp. Hoạt động của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất kinh doanh điều này tuy là phù hợp với đặc điểm của Công ty tuy nhiên mảng hoạt động tài chính lại thấp và giảm hơn năm trước, Công ty đã không thể tăng lợi nhuận qua hoạt động này.

• *Nguyên nhân khách quan:*

- Có sự cạnh tranh của các Công ty cùng ngành.
- Công tác quản lý xây dựng đôi khi còn nhiều hạn chế, bất cập.
- Giá cả của nguyên vật liệu thường không ổn định và có xu hướng tăng dần nên đã gây ra không ít khó khăn cho Công ty.

• *Nguyên nhân chủ quan:*

- Trình độ tổ chức, quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý mới.
- Nguồn vốn kinh doanh còn nhỏ nên chưa có điều kiện để triển khai các hoạt động tài chính.
- Công nhân thuê ngoài và chủ yếu là lao động phổ thông nên nhiều lúc không đủ chuyên môn cho những công trình có tầm vóc lớn.

II. Biện pháp nhằm tăng lợi nhuận trong Công ty.

Ban đầu còn nhiều sự ngỡ ngàng với môi trường mới và quan sát, kiểm nghiệm những kiến thức trong sách với cách làm việc của một cơ sở cụ thể nhưng được sự hướng dẫn nhiệt tình của phòng Tài chính- kế toán cũng như Công ty em thấy tự tin hơn và yêu thích, say mê hơn với công việc này. Em xin đưa ra một số biện pháp sau:

1. Phân đầu giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Đây là biện pháp cơ bản nhất để tăng thêm lợi nhuận cho Công ty. Phân đầu tiết kiệm mọi chi phí sản xuất, chi phí quản lý, nâng cao chất lượng công trình tạo uy tín trên thị trường để nâng cao sức cạnh tranh của Công ty. Đồng thời tổ chức sử dụng nhân công hiệu quả, tiết kiệm. Để hạ thấp giá thành công trình thì công ty cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

* *Một là phân đầu tăng năng suất thi công*

- Công ty cần thiết phải đầu tư, đổi mới máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác xây dựng. áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến tạo tiền đề làm thay đổi căn bản điều kiện xây dựng hạn chế như bây giờ.

- Tăng cường công tác sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng máy

- Nâng cao trình độ tay nghề và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ công nhân viên và của cả công nhân. Chăm lo bồi dưỡng về nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân.

*** Hai là tiết kiệm nguyên vật liệu trực tiếp**

- Tiết kiệm được nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình xây dựng góp phần quan trọng vào việc giảm chi phí và hạ giá thành công trình. Bởi vì thực tế trong 2 năm qua giá vốn công trình chiếm tỷ trọng rất lớn so với doanh thu thuần mà chi phí nguyên vật liệu trực tiếp lại chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành của công trình.

- Công ty cần phải giảm tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trước khi đưa vào xây dựng, và giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu trong mỗi công trình. Muốn vậy ngay từ khi lập kế hoạch, lúc thiết kế phải có sự thống nhất giữa kế hoạch xây dựng với kế hoạch cung ứng vật tư như xây dựng các định mức tiêu hao nguyên vật liệu cụ thể cho mỗi công trình.

- Có điều kiện bảo quản tốt vật liệu xây dựng, phải quy trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị trong khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản vật liệu để giảm tỷ lệ hao hụt xuống mức thấp nhất

2.Huy động thêm vốn kinh doanh và sử dụng một cách hiệu quả .

Công ty cổ phần xây dựng thủy lợi Thái Thụy với đặc điểm của ngành kinh doanh đòi hỏi phải có một số lượng vốn lớn, nếu thiếu vốn Công ty sẽ không có cơ hội mở rộng thị trường, hoạt động kinh doanh sẽ kém hiệu quả, doanh thu không đủ để bù đắp chi phí. Bằng cách huy động tiền nhàn rỗi của

cán bộ công nhân viên với hình thức cho Công ty vay vốn kinh doanh với lãi suất phù hợp, vay vốn ngân hàng trong những trường hợp cần huy động vốn để nhận thầu những công trình lớn.

Công ty cần phải bố trí vốn một cách hợp lý giữa vốn cố định và vốn lưu động. Chú ý đầu tư vốn về mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho công tác thi công. Vì đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng suất lao động và nâng cao chất lượng công trình như đã phân tích ở trên.

Đối với vốn lưu động: Trong điều kiện vốn công ty có hạn nhưng vốn bằng tiền, các khoản phải thu và hàng tồn kho lại chiếm tuyệt đại bộ phận vốn lưu động. Muốn hợp lý thì Công ty cần phải giảm tỷ trọng vốn bằng tiền để dành vốn vào hoạt động kinh doanh, phải đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành và nghiệm thu. Đồng thời phải tập trung nhân tài, vật lực và lực lượng quản lý để tập trung dứt điểm các công trình dở dang nhằm rút bớt vốn dự trữ vật tư. Giải quyết được những nội dung trên đồng nghĩa với việc thúc đẩy vòng quay vốn lưu động.

Công ty nên tổ chức công tác thu hồi nợ, đẩy mạnh công tác nghiệm thu và quyết toán các công trình, có chế độ khuyến khích với những khách hàng mà thanh toán trước và đúng hạn. Muốn thu hồi vốn nhanh thì biện pháp cơ bản, lâu dài là công ty phải tập trung dứt điểm từng công trình hoặc hạng mục công trình đúng tiến độ để tiến hành nghiệm thu, thanh toán.

3. Đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên và công nhân.

Vì con người cũng là nhân tố quyết định đến sự phát triển của Công ty, cần chú trọng đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn vì nhu cầu của thị trường ngày một cao, khi công nhân có tay nghề và trình độ sẽ là điều kiện tốt nhất để công ty nhận đấu thầu những công trình có giá trị lớn với yêu cầu xây dựng phức tạp.

4. Tăng cường hoạt động marketing mở rộng thị trường và nâng cao thị phần.

Thông qua hoạt động này để mở rộng thị trường, đẩy mạnh công tác tiếp thị để khách hàng biết đến tên tuổi và sản phẩm công trình có chất lượng của Công ty, phấn đấu hàng năm trúng thầu và nhận được nhiều công trình trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề và trên nhiều địa bàn.

kết luận

Lợi nhuận của doanh nghiệp là bộ phận cơ bản quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường thì vai trò của nó càng trở nên quan trọng. Chỉ có doanh nghiệp nào sản xuất kinh doanh thu được nhiều lợi nhuận thì doanh nghiệp đó mới có đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Do đó phấn đấu tăng lợi nhuận không những là mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh mà nó còn là đòn bẩy kinh tế, là động lực thúc đẩy mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi Thái Thụy, được tiếp cận với thực tiễn cùng với kiến thức được học trong nhà trường với sự giúp đỡ của thầy Lê Văn Chắt cùng với cán bộ phòng Tài chính – Kế toán của Công ty em đã hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài: ***“Lợi nhuận và một số biện pháp làm tăng lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi Thái Thụy”***.

Trong luận văn tốt nghiệp này em đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng lợi nhuận cho Công ty trong thời gian tới. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng bài luận văn của em chắc chắn còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Em mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy Lê Văn Chắt và các cán bộ phòng Tài chính - Kế toán của Công ty đã giúp đỡ em trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Hà Nội, tháng 09 năm 2006

Sinh viên